

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/HNGD-ST

Ngày: 18/8/2017

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Dương Viết Vĩnh

Ông: Hoàng Văn Đích

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình: Không tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXX- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị B - sinh năm 1963 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm N, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tá H, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú : Xóm N, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày: Bà và ông Nguyễn Tá H kết hôn tháng 8 năm 1981 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới ông đi công nhân một thời gian sau đó về thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông H nghi ngờ người con trai đầu không phải là con ông nên hắt hủi bà cùng người con trai đầu và ông không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình mà còn thường xuyên chửi bới đánh đập bà, đối xử tàn nhẫn với người con trai đầu. Do không sống chung cùng ông H được nên bà phải đến ở nhà con trai từ tháng 6/2016 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Tá L, sinh năm 1982, Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản vay và cho vay: Không có.

Quá trình giải quyết ông Nguyễn Tá H trình bày: Ông và bà Dương Thị B kết hôn với nhau vào tháng 8 năm 1981, đã được hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới bà B về nhà ông làm dâu được khoảng 4 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Ông H thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có những mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ không tránh khỏi. Nay bà B xin ly hôn thì ông không muốn ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn có thể hàn gắn được nên ông vẫn mong muốn bà B suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung như bà B trình bày, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản vay và cho vay: Không có.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ do các đương sự xuất trình và tiến hành hòa giải nhiều lần, xong các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, do vậy vụ án phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết. Sau khi thụ lý, ông H đã có bản tự khai và tham gia nhiều phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tiến hành giao trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho ông H đến phiên tòa để tham gia tố tụng, nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Tá H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Lý do bà B xin ly hôn ông H do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và ông H nghi ngờ người con trai đầu không phải là con của ông nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên chửi bới đánh đập bà và đối xử tàn nhẫn với bà. Còn ông H cho rằng trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ không tránh khỏi và còn tình cảm nên mong muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B với ông H đã kéo dài trong nhiều năm, không hòa hợp hàn gắn được, vợ chồng không còn có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Ông H mong muốn vợ chồng đoàn tụ xong ông cũng không có biện pháp nào thuyết phục bà B về đoàn tụ mà vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của bà B cho bà B được ly hôn với ông H là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về khoản vay và cho vay: Hai bên đương sự đều xác định không có.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị B, cho bà B được ly hôn với ông Nguyễn Tá H

2.Về con chung: Các con đều đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

3.Về tài sản chung: Bà B và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về khoản vay và cho vay: Các đương sự đều xác định không có.

5.Về án phí: Bà Dương Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu số 0000024 ngày 21 tháng 02 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

Báo cho bà Dương Thị B biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Tá H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS Phú Bình;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Nhài